

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 04 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn
2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị M**, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Ông **Trương Văn Q**, sinh năm 1986. HKTT: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Ngô Thị M trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Q sống chung từ năm 2009, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22 tháng 10 năm 2009 và đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Lý do, trong thời gian sống chung giữa bà và ông Q phát sinh mâu thuẫn, ông Q ghen bà với người khác, thậm chí còn đánh bà. Từ đó, ông Q cũng bỏ về nhà mẹ ruột ông Q ở cho

đến nay. Nay bà M nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Q.

+ Việc nuôi con: Bà M và ông Q có hai người con chung gồm: Cháu Trương Quốc S, sinh ngày 14 tháng 09 năm 2009 và cháu Trương Quốc N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2011. Hiện các cháu đang sống với bà M, bà M yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Chia tài sản: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trương Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị M xin ly hôn với ông Trương Văn Q

+ Về quan hệ con: Giao cháu Trương Quốc S và cháu Trương Quốc N cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng do không yêu cầu

+ Về tài sản: Do không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn bà Ngô Thị M vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trương Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Do ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên căn cứ vào lời khai của bà M để giải quyết. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Q là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của bà M đã chứng minh được, bà M và ông Q ly thân từ năm 2013 đến nay, với các lý do mà bà M đã trình bày, còn đối với ông Q không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của bà M được ly hôn với ông Q.

[3]. Việc nuôi con:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

- Cháu Trương Quốc S và cháu Trương Quốc N đang sống với bà M từ khi ly thân cho đến nay và đang phát triển bình thường. Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi các cháu và các cháu cũng có nguyện vọng sống chung với bà M nên việc giao các cháu cho bà M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do bà M không yêu cầu (mặc dù đã giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Chia tài sản: Do bà Ngô Thị M cho rằng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí:

- Bà Ngô Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002283 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Ông Trương Văn Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị M và ông Trương Văn Q.

2. Việc nuôi con:

- Giao cháu Trương Quốc S, sinh ngày 14 tháng 09 năm 2009 và cháu Trương Quốc N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2011 cho bà Ngô Thị M Mối được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Trương Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do bà Ngô Thị M không yêu cầu (mặc dù đã được giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Chia tài sản: Do không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí:

- Bà Ngô Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002283 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Ông Trương Văn Q không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn